

Bản án số: 128/2024/LĐ-ST

Ngày: 14 - 8 - 2024

V/v "Vô hiệu hợp đồng lao động"

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đỗ Bình An

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Trần Thị Đồi – Cán bộ hưu trí thị trấn Hậu Nghĩa
- Bà Nguyễn Thị Rạt – Nguyên Phó Phòng Lao động Thương binh xã hội huyện Đức Hòa.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Huỳnh Như -Thư ký Toà án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

*Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:* Bà Võ Thị Ngọc Tư - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 130/2024/TLST - LĐ ngày 11 tháng 6 năm 2024 về việc "Tranh chấp yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 148/2024/QĐXXST - LĐ ngày 29 tháng 7 năm 2024, giữa:

*1. Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị T, sinh năm 1995.

Thường trú: Ấp V, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Tạm trú: Ấp T, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Võ Hoài P, sinh năm 1988. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An.

*2. Bị đơn:* Công ty TNHH B1.

Địa chỉ: Lô L, KCN X, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Đỗ Trung N

*Người đại diện theo ủy quyền:* Bà Lê Thị Ngọc Á – Trưởng phòng đào tạo hành chính quản trị nhân sự. (xin vắng mặt)

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà Trần Thị Bé L, sinh năm 1999. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang

2/ Bảo hiểm xã hội (BHXH) huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Trụ sở: Ô 7, khu B, thị trấn Hậu Nghĩa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Phan Minh P1 - Phó Giám đốc (xin vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 6 năm 2024, nguyên đơn bà Phạm Thị T do ông Võ Hoài P đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Từ tháng 8/2017 đến tháng 02/2021, bà T là công nhân tại công ty cổ phần D và tham gia bảo hiểm với số bảo hiểm: 7916545057.

Do bản thân không am hiểu về pháp luật và muốn giúp đỡ bà Trần Thị Bé L chưa đủ tuổi lao động có thể đi làm tạo thu nhập lo cho gia đình, nên bà T cho bà Trần Thị Bé L mượn Chứng minh nhân dân để bà Trần Thị Bé L đi làm tại công ty TNHH B1 trong khoảng thời gian tháng 4/2017 đến tháng 02/2018. Khi bà Trần Thị Bé L mang tên bà là Phạm Thị T làm việc tại công ty TNHH B1 thì bà Trần Thị Bé L cũng tham gia bảo hiểm với số sổ bảo hiểm mang tên bà Phạm Thị T là: 8016064407.

Việc bà T cho bà L mượn Chứng minh nhân dân để bà L ký và thực hiện hợp đồng lao động với công ty TNHH B1 là không đúng quy định pháp luật. Hiện nay tồn tại hai sổ sổ bảo hiểm là 7916545057 và 8016064407 cùng mang tên Phạm Thị T nên bà không thể thực hiện việc chốt sổ bảo hiểm được.

Do đó bà Phạm Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: vô hiệu hợp đồng lao động được kí kết giữa bà Phạm Thị T (do bà Trần Thị B Lam làm việc) với công ty TNHH B1 trong khoảng thời gian từ tháng 4/2017 đến tháng 02/2018, điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội số 8016064407 mang tên Phạm Thị T thành Trần Thị Bé L.

*Bị đơn Công ty TNHH B1 có văn bản trình bày:* Công ty TNHH B2 (nay là Công ty TNHH B1) có ký hợp đồng lao động với bà Phạm Thị T, sinh năm 1996, CMND số 371753700 kể từ ngày 01/4/2017, thời hạn 12 tháng, công ty đã thực hiện khai báo tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho bà T từ tháng 4/2017 đến hết tháng 02/2018 (11 tháng), sau khi bà T nghỉ việc, công ty đã hoàn thành việc chốt sổ BHXH, BHYT, BHTN cho bà T đúng quy trình và giao trả toàn bộ sổ, quá trình tham gia cho bà T. Công ty không có thông tin người lao động nào tên Trần Thị Bé L trong thời gian từ 4/2017 đến tháng 2/2018.

Qua các yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T, sinh năm 1995, công ty đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật, công ty không có ý kiến, yêu cầu gì trong vụ án vì công ty đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ cho người lao động. Đại

diện theo ủy quyền của công ty có văn bản đề nghị vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Bé L có văn bản trình bày:* Vào tháng 4/2017, do không am hiểu pháp luật, bà có mượn giấy chứng minh nhân dân của bà Phạm Thị T để vào làm việc tại Công ty TNHH B1 từ tháng 4/2017 đến tháng 02/2018 và tham gia bảo hiểm xã hội với số sổ 8016064407 (sổ này chưa hưởng chế độ BHXH). Bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T về việc vô hiệu hợp đồng lao động được kí kết giữa bà Phạm Thị T (do bà Trần Thị B Lam làm việc) với công ty TNHH B1 trong khoảng thời gian từ tháng 4/2017 đến tháng 02/2018 và xử lý hợp đồng vô hiệu do không đúng nhân thân để bà và bà T được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội đúng với hợp đồng lao động mà bà và bà T đã thực hiện. Bà đề nghị vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội huyện Đ trình bày:* Căn cứ vào hồ sơ, dữ liệu quản lý thu, sổ, thẻ và chính sách BHXH, bảo hiểm y tế, BHYTN, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, Bảo hiểm xã hội huyện Đ xác định Công ty TNHH B1 có tham gia bảo hiểm cho bà Phạm Thị T từ tháng 4/2017 đến tháng 02/2018 với số sổ bảo hiểm 8016064407; qua tra cứu, đến ngày 16/7/2024, bà Phạm Thị T, mã số BHXH 8016064407 chưa hưởng chế độ BHXH một lần và chưa hưởng bảo hiểm thất nghiệp. BHXH huyện Đ đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại Đơn xin xác nhận hai người là một ngày 01/8/2024, Công an xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang xác nhận Phạm Thị Thủy sinh ngày 10/9/1996 CMND số 371753700 và Phạm Thị Thủy sinh ngày 10/9/1995, CCCD số 091195002289 là một người.

*Quan điểm Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

Về tố tụng: Việc thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Về trình tự thủ tục đảm bảo theo quy định của tố tụng trong việc thu thập chứng cứ, xác minh. Tòa án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ và quyền hạn. Các bên đương sự thực hiện đúng tố tụng về quyền và nghĩa vụ.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị T về việc vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Phạm Thị T (do Trần Thị Bé L thực hiện) với Công ty TNHH B1 từ tháng 4/2017 đến tháng 02/2018; điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm số 8016064407 thành Trần Thị Bé L. Bởi vì thực tế bà Phạm Thị T không phải là người lao động mà bà Trần Thị Bé L mới là người lao động tại Công ty TNHH B1 từ tháng 4/2017 đến tháng 02/2018.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật cần giải quyết: xét yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T nêu trên, Hội đồng xét xử thấy quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án là: “*Tranh chấp yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động*” vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 32 Bộ luật tố tụng dân sự. Công ty TNHH B1 có trụ sở tại xã M, huyện Đ, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về tư cách tố tụng, thời hiệu và phạm vi giải quyết.

Bà Phạm Thị T người khởi kiện được xác định là nguyên đơn, Công ty TNHH B1 là người bị kiện được xác định tư cách là bị đơn. Bà Trần Thị Bé L và BHXH huyện Đ được xác định là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Thời hiệu khởi kiện: Bà Phạm Thị T khởi kiện Công ty B1 vì cho rằng quyền lợi bị xâm phạm do hợp đồng lao động bị vô hiệu là còn trong thời hiệu khởi kiện. Bà Phạm Thị T có quyền khởi kiện theo quy định Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự có mặt của đương sự:

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đề nghị được vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp theo quy định tại Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.4]. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị không hòa giải, Tòa án lập biên bản về việc công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Tòa án xét xử trong phạm vi đương sự có yêu cầu. Các đương sự thừa nhận đã tiếp cận đầy đủ chứng cứ của nhau.

[2]. Về nội dung:

Xét thấy, bà Phạm Thị T có cho bà Trần Thị Bé L mượn chứng minh nhân dân mang tên Phạm Thị T để xác lập hợp đồng lao động và tham gia đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 4/2017 đến tháng 02/2018 tại Công ty TNHH B1 theo sổ BHXH số 8016064407. Trong khi đó bà Phạm Thị T cũng tham gia lao động tại công ty cổ phần D và tham gia bảo hiểm với sổ BHXH số 7916545057. Việc bà Phạm Thị T cho bà Trần Thị Bé L mượn giấy chứng minh nhân dân để đi làm tại Công ty TNHH B1 là vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ Luật Lao động, vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động. Do đó, bà Phạm Thị T yêu cầu Tòa án vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Phạm Thị T (do Trần Thị Bé L thực hiện) tại Công ty TNHH B1 từ tháng 4/2017 đến tháng 02/2018 là có căn cứ, phù hợp với điểm b khoản 1 Điều 49 Bộ luật Lao động. Bởi vì người lao động thực sự trong giai đoạn này tại Công ty TNHH B1 là bà Trần Thị Bé L không phải là bà Phạm Thị T. Đồng thời, để bảo đảm quyền lợi cho đúng người lao động đã tham gia hợp đồng lao động bị vô hiệu nêu trên,

cần điều chỉnh tên trên sổ BHXH số 8016064407 từ bà Phạm Thị T thành bà Trần Thị Bé L là có căn cứ.

[3]. Xét quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp nên HĐXX ghi nhận

[4]. Bà Trần Thị Bé L, Công ty TNHH B1, BHXH huyện Đ không có tranh chấp gì trong vụ án này nên không đề cập xem xét.

[5]. Về án phí: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phạm Thị T tự nguyện chịu án phí lao động sơ thẩm thay cho Công ty TNHH B1 nên Công ty TNHH B1 không phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 32, Điều 35, Điều 39, Điều 68 Điều 91, Điều 93, Điều 97, Điều 147, Điều 195, Điều 196, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 13, Điều 15, Điều 16, Điều 18, Điều 21 và Điều 49 Bộ luật lao động;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T về việc “*Tranh chấp yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động*” đối với Công ty TNHH B1.

1.1. Tuyên bố vô hiệu hợp đồng lao động được xác lập giữa bà Trần Thị Bé L (nhưng trên hợp đồng lao động ghi tên là bà Phạm Thị T) với Công ty TNHH B1 trong thời gian từ tháng 4/2017 đến 02/2018;

1.2. Điều chỉnh sổ BHXH số 8016064407 cấp cho bà Phạm Thị T do Công ty TNHH B1 nộp từ tháng 4/2017 đến 02/2018 tại Bảo hiểm xã hội huyện Đ thành tên bà Trần Thị Bé L.

1.3. Bà Phạm Thị T được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội theo hợp đồng lao động đã xác lập giữa bà Phạm Thị T với công ty cổ phần D.

1.4. Bà Trần Thị Bé L được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội theo hợp đồng lao động được xác lập giữa bà Trần Thị Bé L với Công ty TNHH B1 theo sổ BHXH số 8016064407 đã được điều chỉnh.

2. Về án phí lao động sơ thẩm: Bà Phạm Thị T tự nguyện chịu 300.000 đồng án phí lao động sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số

0004782 ngày 06/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa. Bà Phạm Thị T không phải nộp thêm.

3. Án xét xử công khai sơ thẩm, các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ để xin xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Bình An**







